

# MỸ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC ĐỐI VỚI ASEAN TRÊN LĨNH VỰC AN NINH, QUÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ SAU SỰ KIỆN 11/9/2001

ThS. Nguyễn Thị Hạnh  
*Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*

Sau sự kiện 11/9, để thích ứng với môi trường an ninh đã thay đổi, Chính quyền Tổng thống G. Bush tiến hành điều chỉnh chiến lược toàn cầu, trong đó có điều chỉnh về chiến lược an ninh quốc gia. Khu vực châu Á - Thái Bình dương, trong đó có Đông Nam Á là tiêu điểm an ninh - quân sự của Mỹ trong sự điều chỉnh chiến lược. Bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày một số vấn đề chủ yếu về sự điều chỉnh chiến lược an ninh - quân sự và chính trị của Mỹ đối với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) như: nguyên nhân của sự điều chỉnh, nội dung điều chỉnh và tác động của nó đến quan hệ Mỹ - Việt Nam. Dưới đây là những vấn đề cụ thể.

## 1. Nguyên nhân của sự điều chỉnh

Ngày 4 tháng 1 năm 2000, Mỹ đã đưa ra "Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới". Chiến lược này có sự điều chỉnh rất lớn trên lĩnh vực an ninh quân sự của Mỹ đối với các khu vực và các nước trên thế giới. Song, sự kiện 11/9 làm cho tình hình an ninh thay đổi bất ngờ, Mỹ lại một lần nữa điều chỉnh Chiến lược an ninh quốc

gia, được công bố ngày 20/9/2002. Tư tưởng chỉ đạo của chiến lược mới là "can dự để phòng thủ và thực hiện đánh đòn phủ đầu" nhằm xoá bỏ từ trong trứng nước mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố cũng như những nước bao che chúng, đồng thời, thúc đẩy các cải cách kinh tế, chính trị, thực hiện dân chủ hoá ở những khu vực mà Mỹ cho là "lạc hậu" trên thế giới, nhất là các nước Hồi giáo và bằng mọi cách trừ tận gốc những mảnh đất sinh ra chủ nghĩa khủng bố. Do vậy, Mỹ coi chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí, chống tên lửa và an ninh nội địa là bốn trụ cột cơ bản trong chính sách an ninh quốc gia mới. Khác với trước đây, Mỹ coi an ninh kinh tế, an ninh quân sự và thúc đẩy dân chủ nhân quyền là ba trụ cột cơ bản.

Với sự điều chỉnh trên, đối với khu vực Đông Nam Á, điểm cốt yếu của chiến lược an ninh quân sự là bằng mọi cách Mỹ phải quay trở lại và tăng cường sự hiện diện quân sự ở khu vực này càng nhanh càng tốt. Đến đây câu hỏi đặt ra là vì sao Mỹ đưa ra chiến lược trên ở Đông Nam Á? Theo các nhà phân tích chính trị Mỹ, sự điều chỉnh chiến lược này xuất phát từ một số lý do chủ yếu sau:

*Một là*, đây là bước đi cần thiết để điều chỉnh chiến lược quân sự của Mỹ. Xuất phát từ yêu cầu của chiến lược mới, sự tập trung quân đội của Mỹ ở Tây Âu và Đông Bắc Á đã không còn phù hợp. Do đó, Mỹ phải cơ cấu lại hệ thống căn cứ quân sự ở những khu vực này. Mỹ thấy cần phải củng cố các mối quan hệ hiện tại, tăng cường quan hệ mới với các nước trong khu vực như Philippines, Indonesia,... để chuẩn bị đưa lực lượng quân sự của Mỹ tới khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình dương. Vì thế, việc tiếp cận và xuất hiện trở lại khu vực Đông Nam Á là rất cần thiết đối với Mỹ.

*Hai là*, Mỹ ngày càng nhận thức rõ vị trí địa chiến lược quan trọng của khu vực Đông Nam Á. Đây là khu vực nằm trên tuyến đường biển chiến lược của Mỹ giữa Ấn Độ dương và Thái Bình dương. Đa số nguồn năng lượng dầu lửa và khí đốt từ Vùng Vịnh nhập khẩu vào Mỹ và hàng hoá xuất khẩu của Mỹ đều đi qua tuyến đường này. Quan trọng hơn, với tư cách là một cường quốc quân sự trên thế giới, Mỹ cần có con đường tự do cho lực lượng quân sự của mình xâm nhập vào khu vực Đông Nam Á nhằm đáp ứng những tình huống đột xuất có thể xảy ra ở Tây Thái Bình dương và Ấn Độ dương. Đặc biệt, từ sau khi ký Hiệp định Paris với Việt Nam năm 1973, Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam và số quân đóng tại Đông Nam Á đã giảm hàng loạt. Hơn nữa, từ năm 1992 Mỹ phải rút quân khỏi hai căn cứ quân sự Clark và Subic ở Philippines, nên Mỹ không còn căn cứ quân sự cỡ lớn và không có lực lượng tác chiến thường trực ở khu vực này. Do đó, việc đưa lực lượng quân sự của Mỹ trở lại Đông Nam Á là một trong những lý do rất cơ bản.

*Ba là*, việc tích cực tiếp cận vào khu vực Đông Nam Á là một yêu cầu cấp thiết của Mỹ nhằm thiết lập một cơ cấu an ninh có lợi cho Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình dương, vì đây là khu vực có tầm quan trọng chiến lược rất lớn đối với Mỹ, nhất là từ những năm cuối thế kỷ XX. Mặc dù, Mỹ đã duy trì một số liên minh quân sự song phương với một số nước: Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan, song các liên minh này chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu về an ninh của Mỹ ở khu vực. Do đó, Mỹ nhất thiết phải trở lại khu vực nhằm chuẩn bị xây dựng an ninh bốn cấp ở châu Á - Thái Bình dương. Cấp cốt lõi của nó là liên minh Mỹ - Nhật Bản. Cấp thứ hai là liên minh giữa Mỹ và Australia, Hàn Quốc, Thái Lan và Philippines. Cấp thứ ba là đẩy mạnh hợp tác quân sự với với các nước như Singapore và Indonesia. Cấp thứ tư là thiết lập quan hệ quân sự của Mỹ với các nước khác trong khối ASEAN.

*Bốn là*, hiện nay ở khu vực Đông Nam Á đã xuất hiện và tồn tại những điểm nóng, những điểm này có thể mở rộng thành xung đột quân sự quy mô lớn làm tổn hại đến lợi ích chiến lược của Mỹ. Đặc biệt, Đông Nam Á là khu vực có đông tín đồ Hồi giáo sinh sống. Ví dụ, Indonesia là quốc gia Hồi giáo đông dân nhất thế giới với hơn 200.000 tín đồ. Ngoài ra, còn có hai quốc gia Hồi giáo nữa là Malaysia và Brunei. Các quốc gia khác như Philippines, Thái Lan và Singapore đều có số lượng khá lớn người thiểu số theo đạo Hồi. Bên cạnh đó, hoạt động của các đảng phái Hồi giáo phát triển khá mạnh trong khu vực, nhất là ở Indonesia. Mặt khác, sau Chiến tranh Lạnh ảnh hưởng của Mỹ đối với các nước ASEAN đã giảm dần, trong khi các cường quốc khác đã thành công

trong việc mở rộng quan hệ với các nước này. Đặc biệt, điều làm Mỹ lo ngại hơn cả là ảnh hưởng về kinh tế và chính trị ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực. Về kinh tế, Trung Quốc đã trở thành một trong những bạn hàng lớn nhất của các nước ASEAN. Về chính trị, Trung Quốc và ASEAN đã thống nhất thiết lập "mối quan hệ đối tác chiến lược" hướng tới hoà bình và phát triển. Bằng chứng là, vào tháng 11 năm 2002 hai bên đã ký kết hai hiệp ước rất quan trọng là: "Tuyên ngôn hành vi ứng xử của các bên ở biển Đông" và "Tuyên bố chung về hợp tác và an ninh phi truyền thống Trung Quốc - ASEAN". Tiếp nữa, ngày 8 tháng 10 năm 2003 tại Bali thuộc Indonesia, Trung Quốc và ASEAN lại ký "Hiệp ước hợp tác hữu nghị Đông Nam Á". Chính những việc làm trên đã tạo ra cơ sở kinh tế và chính trị bền vững cho hợp tác trong tương lai giữa Trung Quốc và ASEAN. Ngoài ra, Mỹ thấy rằng Trung Quốc là thị trường lớn đầy tiềm năng đang phát triển, nên quan hệ và hợp tác ổn định với Trung Quốc, Mỹ sẽ có lợi ích kinh tế lớn trong quá trình thị trường tiềm năng của Trung Quốc trở thành thị trường hiện thực. Vì vậy, hiện nay với tư cách là siêu cường duy nhất trên thế giới, Mỹ không thể bỏ qua thực tế này và càng không thể không xúc tiến các biện pháp cần thiết để trở lại Đông Nam Á nhằm kiềm chế ảnh hưởng và đối phó với Trung Quốc. Đây được coi là một trong những nguyên nhân rất quan trọng để Mỹ thực hiện sự điều chỉnh chiến lược an ninh quân sự đối với khu vực này.

## **2. Điều chỉnh chiến lược an ninh - quân sự, chính trị của Mỹ đối với ASEAN sau 11/9**

### *a) Lĩnh vực an ninh - quân sự*

Sự điều chỉnh lớn về an ninh và quân sự đối với khu vực châu Á - Thái Bình dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á là một trong những nội dung quan trọng của "Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới" của Mỹ. Vì đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng, là nơi đan xen lợi ích của bốn cường quốc lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, đồng thời là nơi mà ảnh hưởng của Trung Quốc đang ngày càng gia tăng, đe dọa lợi ích của Mỹ. Về vấn đề này, Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld đã cho rằng: "Khu vực châu Á - Thái Bình dương có rất nhiều khả năng trở thành chiến trường chủ yếu của Mỹ trong thế kỷ XXI, vì trong tình hình Nga suy yếu, Trung Quốc sẽ thay Nga trở thành kẻ thù tiềm ẩn chủ yếu nhất của Mỹ trong tương lai"<sup>(1)</sup>. Do vậy, Mỹ đã đưa ra chiến lược an ninh cho khu vực châu Á - Thái Bình dương với nội dung cơ bản sau:

- Mỹ sẽ duy trì và tăng cường các liên minh chính trị, quân sự với các đồng minh thân cận của mình như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Philippines, Thái Lan, trong đó liên minh Mỹ - Nhật là quan trọng nhất. Mặt khác, Mỹ tìm cách phát triển quan hệ với các nước không phải là đồng minh, kể cả các nước vốn trước đây là thù địch như Việt Nam.

- Mỹ tiếp tục theo đuổi chính sách "dính líu" với các cường quốc khác trong khu vực, nhất là Trung Quốc và Nga, qua đó thực hiện kiềm chế và đối phó với Trung Quốc có hiệu quả.

- Mỹ tiến hành xây dựng một cấu trúc khu vực "Châu Á - Thái Bình dương mới" nhằm duy trì sự phát triển kinh tế, thúc đẩy sự hợp nhất, bảo đảm an ninh và ổn định lâu dài ở khu vực có lợi cho Mỹ.

- Áp đặt dân chủ và nhân quyền kiểu Mỹ đối với các nước trong khu vực nhằm phục vụ mục đích của Mỹ.

Khu vực Đông Nam Á có vai trò quan trọng cả về kinh tế, chính trị và an ninh đối với Mỹ. Chiến lược của Mỹ ở khu vực này là tập trung vào phát triển các quan hệ an ninh, kinh tế song phương và đa phương; ngăn chặn, giải quyết xung đột khu vực nhằm mở rộng sự can thiệp và ảnh hưởng của Mỹ đối các nước, thông qua đó thực hiện bao vây, đối phó với Trung Quốc. Mục tiêu an ninh của Mỹ đối với Đông Nam Á là: Duy trì liên minh an ninh của Mỹ với Thái Lan, Philippines; thúc đẩy việc tiếp cận an ninh với Singapore và các nước ASEAN khác; khuyến khích và ủng hộ một ASEAN mạnh, gắn bó, có khả năng giữ vững ổn định khu vực có lợi cho Mỹ. Thực hiện chiến lược trên, Mỹ đưa ra hai biện pháp chính.

*Thứ nhất*, Mỹ phải duy trì mối quan hệ ngày càng có hiệu quả với các nước thành viên ASEAN và tích cực đối thoại an ninh với các nước thông qua Diễn đàn an ninh khu vực - ARF.

*Thứ hai*, Mỹ tăng cường thực hiện "sáng kiến" tay đôi với từng nước ASEAN để thúc đẩy dân chủ, nhân quyền và ổn định chính trị khu vực có lợi cho Mỹ.

Với các biện pháp trên, Mỹ thực thi cụ thể là:

*Thứ nhất*, Mỹ tăng cường viện trợ, trao đổi, và hợp tác quân sự với các nước ASEAN, nhằm đáp ứng các mối quan tâm về an ninh của Mỹ ở khu vực. Về biện pháp này, xin đơn cử một vài ví dụ:

Đối với Philippines: + Tháng 11/2001, Mỹ đã cung cấp cho Philippines khoản viện trợ quân sự và kinh tế cả gói là 460 triệu USD, trong

đó có 100 triệu USD cho trang bị và huấn luyện lực lượng vũ trang Philippines. Năm 2002, tổng hỗ trợ về kinh tế và an ninh của Mỹ giành cho Philippines là 119,25 triệu USD, năm 2003 là 150,45 triệu USD, năm 2004 là 94,24 triệu USD, dự kiến năm 2005 là 126,95 triệu USD.

+ Tháng 7 và tháng 8/2002, Powell thăm các nước ASEAN. Sau đó, Tổng thống Bush đã sang thăm Philippines, đây là lần đầu tiên sau 28 năm một Tổng thống Mỹ đến thăm Philippines và tuyên bố: "Philippines là đồng minh chủ chốt ngoài NATO" của Mỹ;

+ Trung tuần tháng 1/2002, Mỹ cử 660 lính thủy đánh bộ và lực lượng đặc nhiệm tiến vào đảo Mindanao, cùng quân đội Philippines mở chiến dịch tập trận với tên gọi "Vai sát vai 02-1", đồng thời Mỹ đã triển khai hơn 1.000 quân xuống khu vực miền Nam hợp tác cùng quân đội nước này vây quét lực lượng khủng bố vũ trang Abusayaf; và gần đây nhất là vào cuối tháng 10/2005, Mỹ và Philippines lại tiến hành tổ chức tập trận chung với quy mô lớn<sup>(2)</sup>.

Đối với Indonesia, Mỹ tỏ ý muốn nối lại hợp tác quân sự mà Mỹ đã ngừng quan hệ với nước này sau vụ bạo lực ở Đông Timor năm 1999. Tháng 9/2001, Mỹ đã có động thái để quan hệ quân sự trở lại như giúp Indonesia cải cách quân đội và viện trợ cho nước này 50 triệu USD. Sau đó, hai nước tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị về lĩnh vực an ninh quốc phòng như hội thảo "Đối thoại về chiến lược quốc phòng". Ngoài ra, Tổng thống Bush chấp nhận nối lại việc bán thiết bị quân sự không giết người và phục hồi đầy đủ chương trình "Huấn luyện và Giáo dục quân sự quốc tế"(IMET) cho Indonesia<sup>(3)</sup>.

Đối với Việt Nam, Mỹ viện cố chống khủng bố bắt đầu có những động thái hợp tác, trao đổi trong lĩnh vực quân sự: ngày 19/11/2003, lần đầu tiên kể từ khi kết thúc chiến tranh Việt Nam, một tàu chiến thuộc Hạm đội 7 của lực lượng Hải quân Mỹ đã cập cảng Việt Nam. Cũng trong tháng 11/2003, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà nhận lời mời của phía Mỹ đã có chuyến thăm nước này kéo dài bốn ngày. Đây là lần đầu tiên một quan chức cấp cao về lĩnh vực quân sự của Việt Nam thăm Mỹ. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới trong quan hệ quân sự hai nước nói riêng và quan hệ hai nước nói chung đang ngày càng được cải thiện kể từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

Thêm nữa, kể từ tháng 6/2003, quân đội Mỹ đã lần lượt cùng quân đội của các nước ASEAN như Thái Lan, Singapore, Malaysia tiến hành nhiều hoạt động hợp tác song phương, tiến hành huấn luyện tác chiến trên biển. Điều đáng chú ý là, Mỹ không còn ngang ngược chỉ trích công việc nội bộ của các nước Đông Nam Á như trước đây vẫn thường làm, mà thay vào đó là biểu lộ sự ủng hộ chính sách đối nội của các nước ASEAN như Philippines, Malaysia, Indonesia v.v...

*Thứ hai*, Mỹ tìm cách duy trì và tăng cường sự hiện diện quân sự ở Đông Nam Á. Đây là một trong những biện pháp rất quan trọng nhằm thực hiện sự điều chỉnh chiến lược trên. Trong bản "Chiến lược an ninh của Mỹ trong thế kỷ mới", Mỹ tuyên bố sẽ duy trì lực lượng quân sự khoảng 100.000 quân ở khu vực châu Á - Thái Bình dương. Đặc biệt, sau vụ tấn công ngày 11/9/2001, Tổng thống G. Bush với chính sách cứng rắn và coi trọng khía cạnh an ninh quân sự ở khu vực

này nên đã đưa ra biện pháp tăng thêm sự hiện diện của quân đội Mỹ ở đây. Theo đó, Mỹ sẽ chủ trương cắt giảm 1,4 triệu binh lính hiện có chủ yếu ở châu Âu để tập trung xây dựng lực lượng ở châu Á. Thực hiện chủ trương này, Mỹ đã tiến hành triển khai hàng chục ngàn binh lính tại Afghanistan được trang bị các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI. Lực lượng Mỹ có từ trước ở khu vực châu Á - Thái Bình dương là 100.000 lính, trong đó 47.000 lính đóng tại 100 căn cứ quân sự Mỹ ở Nhật Bản, 36.000 lính ở 50 căn cứ quân sự thuộc lãnh thổ Hàn Quốc. Ngoài ra, ở vùng biển khu vực Mỹ còn và sẽ duy trì Hạm đội 7, một trong những hạm đội mạnh nhất với tàu sân bay hiện đại hoạt động trên khắp vùng biển châu Á - Thái Bình dương. Bên cạnh đó, lực lượng triển khai nhanh của Mỹ với gần 300.000 lính đóng trên đất Mỹ cũng luôn sẵn sàng được điều động đến khu vực này khi cần thiết<sup>(4)</sup>. Ngay cả Tổng thống B. Clinton, vị tổng thống được coi là không cứng rắn bằng Tổng thống G. Bush hiện nay đã cho rằng: nhu cầu tiếp tục sự có mặt quân sự tầm xa của Mỹ ở Châu Á là hòn đá tảng cho vai trò an ninh của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình dương. Với tầm quan trọng chiến lược của khu vực này, báo cáo về chiến lược an ninh Đông Á - Thái Bình dương của Bộ Quốc phòng Mỹ cũng nhấn mạnh: việc duy trì quân đội Mỹ như là một đảm bảo cho sự ổn định của khu vực. Báo cáo viết: các lực lượng triển khai phía trước của Mỹ chủ yếu đóng tại Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ đảm bảo cho sự ổn định ở khu vực rộng lớn, giúp ngăn chặn sự xâm lược đối với các đồng minh của Mỹ và

góp phần vào các tiến bộ kinh tế và chính trị to lớn của các nước trong khu vực. Lực lượng quân sự Mỹ đóng tại khu vực này sẽ tiếp tục được duy trì dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ chỉ huy Thái Bình dương. Các trang thiết bị quân sự sẽ được nâng cấp hiện đại hơn cùng với việc mở rộng các kho vũ khí ở khu vực.

Như vậy, theo kế hoạch trên sự hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình dương trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI sẽ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Lực lượng này được đánh giá có khả năng giải quyết trực tiếp các cuộc khủng hoảng và chiến tranh cục bộ ở đây với sự hỗ trợ của lực lượng từ các khu vực khác khi cần thiết. Có thể nói, với sự điều chỉnh trên trong vài chục năm tới, tính hiện đại và khả năng tác chiến của quân đội Mỹ tại khu vực này sẽ không có một cường quốc nào có khả năng cạnh tranh được.

*Thứ ba*, tích cực củng cố quan hệ và chia sẻ trách nhiệm với các nước đồng minh ở khu vực Đông Nam Á. Đây là một trong những biện pháp rất căn bản trong chiến lược an ninh quân sự của Mỹ sau 11/9. Mặc dù, Mỹ không và sẽ không bao giờ coi sự chia sẻ trách nhiệm ở khu vực này nói riêng và các khu vực khác nói chung để thay thế cho sự lãnh đạo của Mỹ, mà đơn giản chỉ là Mỹ không muốn và không thể một mình giải quyết các vấn đề bất ổn ở khu vực. Mặt khác, Mỹ cho rằng sự ủng hộ của các nước đồng minh là một trong những biện pháp then chốt để Mỹ thực hiện ý đồ chiến lược toàn cầu. Đối với khu vực Đông Nam Á, Mỹ lấy quan hệ đồng minh song phương Mỹ - Philippines, Mỹ - Thái Lan làm nòng cốt nhằm thu hút thêm thành viên mới là

Singapore, Indonesia, Malaysia và các nước thành viên khác trong khối ASEAN vào hệ thống đồng minh chống khủng bố của Mỹ. Đồng thời, nhân cơ hội đó Mỹ tăng cường hơn nữa sự dính líu về an ninh quân sự trong khu vực, nhằm xây dựng cơ chế an ninh đa phương do Mỹ lãnh đạo. Kế hoạch này của Mỹ đã bước đầu có những kết quả nhất định. Bằng chứng là, Philippines là nước đầu tiên ở châu Á bày tỏ thái độ ủng hộ rất tích cực liên minh chống khủng bố quốc tế do Mỹ lãnh đạo; Tiếp theo, Thái Lan không những cho phép Cơ quan tình báo Trung ương Mỹ (CIA) đưa phân tử al- Qaeda tới Thái Lan hỏi cung mà còn cho Mỹ sử dụng các căn cứ không quân trên đất Thái trong cuộc tấn công của Mỹ vào Afghanistan và Iraq vừa qua; Từ cuối tháng 7 tới đầu tháng 8 năm 2002, Mỹ cùng 10 nước ASEAN ký tuyên bố chung hợp tác chống khủng bố; tháng 11/2002, Malaysia đã thành lập "Trung tâm chống khủng bố" Đông Nam Á. Đây là cơ quan đầu tiên chuyên hợp tác chống khủng bố với Mỹ của các nước ASEAN.

Như vậy, sau sự kiện 11/9 Mỹ đã có những điều chỉnh chiến lược an ninh - quân sự nhất định đối với khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, xu thế trong thời gian tới đối với các nước ASEAN, Mỹ vẫn thực hiện những biện pháp chiến lược trên đây và sẽ có một số điều chỉnh khác về hình thức, chức năng, cơ chế hợp tác đồng minh là: Mỹ coi đồng minh song phương là nòng cốt để duy trì quyền chủ đạo của Mỹ; lấy quan hệ Mỹ - Nhật Bản làm trục chính để tăng cường các quan hệ đồng minh song phương khác; tiếp tục phát triển hợp tác an ninh đa phương trên cơ sở đồng minh song phương. Đồng thời, trong tình hình khẩn cấp Mỹ sẽ

xây dựng đồng minh tạm thời. Đồng minh quân sự và đồng minh chính trị sẽ từng bước chuyển sang hệ thống đồng minh mang tính tổng hợp và toàn diện, lấy chính trị thúc đẩy cải cách kinh tế thị trường theo sự chỉ đạo của Mỹ. Qua đó chúng tỏ chống khủng bố đã trở thành công việc ưu tiên nhất trong quan hệ của Mỹ với các nước ASEAN, cũng là cái cốt lõi nhất và là phương thức biểu hiện quan trọng để Mỹ thực hiện chiến lược trở lại khu vực Đông Nam Á.

#### *b) Lĩnh vực chính trị*

Khi ta xem xét sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với các nước ASEAN trên các lĩnh vực an ninh - quân sự, kinh tế, chính trị thì chỉ là cách phân chia hết sức tương đối. Trên thực tế, Mỹ thực hiện sự điều chỉnh chính sách đối với khu vực Đông Nam Á nói riêng và toàn cầu nói chung với sự kết hợp của các phương tiện thuộc tất cả các lĩnh vực trên.

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ đặt vấn đề hệ tư tưởng ở vị trí quyết định khi xem xét quan hệ với các nước. Song, quan điểm đó giảm dần theo thời gian và nó đã được đặt vào vị trí thứ hai, xếp sau các lợi ích thực sự của Mỹ. Chúng ta có thể thấy rõ vấn đề trên qua việc Mỹ bình thường hoá quan hệ với Việt Nam năm 1995, giảm bớt căng thẳng với Cuba, chấp nhận cho Hàn Quốc đối thoại với Bắc Triều Tiên và coi đó là con đường chủ đạo để bình thường hoá đưa đến thống nhất hai miền Nam - Bắc Triều Tiên...

Bước sang thế kỷ XXI và nhất là sau sự kiện 11/9, Mỹ đã có sự thay đổi trong cách nhìn nhận về thế giới và tình hình an ninh bất ổn sau vụ tấn công vào Trung tâm Thương mại Thế giới (World Trade Center) chắc hẳn sẽ

là nhân tố tác động không nhỏ khi Mỹ xem xét vấn đề hệ tư tưởng trong quan hệ với các nước kể cả các nước ASEAN. Nói như vậy, không có nghĩa là Mỹ xem nhẹ đến mức vứt bỏ vấn đề hệ tư tưởng ra khỏi chính sách đối ngoại của mình. Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó Mỹ đã sử dụng cái gọi là "thúc đẩy dân chủ và bảo vệ nhân quyền" theo quan điểm của Mỹ là một cách mở rộng hơn vấn đề hệ tư tưởng trong bối cảnh quốc tế mới. Điều đó cũng có nghĩa là nước Mỹ muốn "Mỹ hoá" toàn thế giới. Đồng thời, Mỹ dùng "thúc đẩy dân chủ và bảo vệ nhân quyền" là một trong những công cụ để Mỹ có cơ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, nhằm thực hiện lợi ích của Mỹ. Tất nhiên, quan điểm này Mỹ không chỉ áp dụng với các nước xã hội chủ nghĩa mà với cả các nước vốn trước đây là đồng minh của Mỹ như Indonesia.

Do vậy, trên lĩnh vực chính trị, Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược tăng cường quan hệ với các nước ASEAN có từ thời Tổng thống Bill Clinton, song Chính quyền của Tổng thống G. Bush thực hiện ráo riết và đẩy mạnh hơn.

Chiến lược trên Mỹ áp dụng trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và thực thi với từng nước tùy theo mức độ quan hệ và mục đích cụ thể. Dưới đây là một số những dẫn chứng tiêu biểu:

*Thái độ của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông*, đây vấn đề tranh chấp khá nổi cộm ở khu vực, là nơi Mỹ có lợi ích an ninh chiến lược và kinh tế. Chỉ nói riêng lợi ích an ninh chiến lược, biển Đông là con đường chiến lược nối liền Đại Tây dương với Tây Thái Bình dương, là khu vực hoạt động, tuần tiễu của Hạm đội 7 của Mỹ ở Tây Thái Bình dương và còn là nơi triển khai nhiệm vụ phòng thủ Ấn Độ dương của

Bộ tư lệnh Thái Bình dương. Ngoài ra, biển Đông còn là "Địa Trung Hải" ở Đông Nam Á, nên Mỹ đặc biệt coi trọng. Hơn nữa, đối với hệ thống phòng thủ của Mỹ thì biển Đông là mắt xích quan trọng trong phòng tuyến lớn mang tính chiến lược từ vịnh Persique, qua biển Đông đến bán đảo Triều Tiên. Gần đây, Mỹ có ý đồ trở lại cảng Cam Ranh của Việt Nam càng chứng tỏ lợi ích an ninh chiến lược rất lớn của Mỹ ở khu vực này. Vì vậy, từ những năm cuối của thế kỷ XX và nhất là sau sự kiện 11/9, chính sách của Mỹ đối với vấn đề biển Đông đã có sự thay đổi về chất. Trong một thời gian khá dài trước đây, Mỹ từ lập trường "không can thiệp" vào tranh chấp ở biển Đông, thì nay đã coi việc giải quyết tranh chấp ở biển Đông thuộc nghĩa vụ lãnh đạo thế giới của Mỹ và Mỹ phải giữ vai trò chủ đạo trong tiến trình giải quyết vấn đề này, theo hướng có lợi cho mình. Vì thế, từ thái độ "không có trách nhiệm" với vấn đề này, Mỹ đã chuyển sang ngấm ngầm bênh vực rồi công khai ủng hộ các nước có tranh chấp biển Đông với Trung Quốc, nhằm gây bất lợi cho nước này, qua đó thực hiện chiến lược then chốt là làm giảm ảnh hưởng của Trung Quốc đối với các nước ASEAN.

*Vấn đề dân chủ và nhân quyền*, mặc dù trong chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới, Mỹ đã xếp nó xuống hàng thứ ba, song thực chất khi cần thiết, Mỹ vẫn sử dụng nó như một công cụ rất đắc lực để đạt mục đích của mình. Điều này thể hiện qua việc Mỹ tiến hành trừng phạt Myanmar. Vì, Mỹ cho rằng Hội đồng quân sự cầm quyền Myanmar do Tướng Than Shwe đứng đầu đã vi phạm dân chủ, nhân quyền trong việc bắt bà Suu Kyi - người được giải thưởng Nobel hoà bình và đã tiến

hành đàn áp Đảng Liên đoàn Dân chủ Quốc gia của bà Suu Kyi, đây là Đảng thân Mỹ. Do vậy, ngay sau sự kiện này xảy ra, Quốc hội Mỹ đã thông qua điều luật trừng phạt Myanmar với nội dung: cấm nhập khẩu tất cả các loại hàng hoá của Myanmar vào Mỹ; thực hiện phong toả tài sản của Chính phủ và các nhà lãnh đạo hàng đầu của Myanmar tại Mỹ; đồng thời yêu cầu đại diện của Mỹ trong các ban giám đốc của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á và Quỹ Tiền tệ Quốc tế chống lại những đề nghị cho Myanmar vay tiền. Ngoài ra, Chính quyền của Tổng thống G. Bush cũng đưa ra nhiều biện pháp siết chặt hơn nữa lệnh trừng phạt đối với Myanmar như: không cấp visa vào Mỹ cho các quan chức chóp bu trong Chính phủ Myanmar, kể cả những thân nhân trong gia đình họ, các quan chức trong Hiệp hội Phát triển đoàn kết liên minh thân chính phủ cùng các quan chức quản lý các doanh nghiệp do nhà nước quản lý<sup>(5)</sup>. Tiếp đó, Mỹ còn kêu gọi và hối thúc các nước trong khối ASEAN phải có những hành động trừng phạt Myanmar. Tuy nhiên, các nước ASEAN đã không đồng tình với quan điểm của Mỹ trong vấn đề này. Qua đó chúng tỏ tính tự chủ của ASEAN ngày càng tăng trong quan hệ với Mỹ.

*Đối với ASEAN-5*, chiến lược của Mỹ về căn bản hầu như không có sự thay đổi so với trước sự kiện 11/9, vì đây là những nước có mối quan hệ khá bền vững và là những nước đồng minh, bạn bè thân cận, luôn ủng hộ Mỹ nhiệt tình nhất như Thái lan, Philippines, Malaysia và Singapore. Vì vậy, Mỹ vẫn chia sẻ lợi ích với những nước này nhằm sử dụng họ trong việc ngăn ngừa sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực,



đặc biệt Mỹ muốn dùng các nước ASEAN-5 để thực hiện chiến lược "kiềm chế và đề phòng" Trung Quốc. Cho nên, một mặt Mỹ vẫn tiếp tục khẳng định lại cam kết của mình với các nước nhằm tạo lòng tin và tranh thủ sự ủng hộ, mặt khác Mỹ thực hiện tăng cường hơn nữa các cuộc tiếp xúc tay đôi nhằm "buộc chặt" các nước này phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Thông qua đó, Mỹ có điều kiện thuận lợi để "dính líu" và can thiệp sâu hơn vào các vấn đề khu vực có lợi cho Mỹ. Thực hiện chiến lược trên, Mỹ đã tổ chức nhiều cuộc thăm viếng cấp cao với sáu nước ASEAN như: tháng 7 và 8/2002, Ngoại trưởng Colin Powell và nhiều quan chức cấp cao Mỹ đã có chuyến công du tới 5 nước ASEAN, với nhiều cuộc tiếp xúc và hội đàm với các vị lãnh đạo của các nước này nhằm kêu gọi cam kết chống khủng bố; tháng 10/2003, Tổng thống G. Bush cũng có chuyến thăm sáu nước ASEAN, mục đích của những chuyến thăm viếng trên đều nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa Mỹ và các nước, đồng thời tìm kiếm những cam kết mạnh mẽ hơn từ những nước này trong cuộc chiến chống khủng bố<sup>(6)</sup>. Đặc biệt đối với ASEAN-5, quan hệ Mỹ - Indonesia có những bất đồng khá nghiêm trọng và Mỹ đã trừng phạt ngừng quan hệ quân sự với nước này, vì Mỹ cho rằng lực lượng quân đội Indonesia đã vi phạm nhân quyền, khi có hành động bạo lực ở Đông Timor năm 1999. Nhưng, sau sự kiện 11/9, Mỹ đã gác lại vấn đề trên và coi Indonesia "là đồng minh chủ chốt trong cuộc chiến chống khủng bố". Mỹ đã nối lại quan hệ quân sự và viện trợ cho Indonesia, chẳng hạn Mỹ cung cấp cho Indonesia 130 triệu USD để hỗ trợ cho các chương trình xây dựng những thể chế dân chủ công khai và

vững mạnh, các chương trình tăng cường quy tắc luật pháp. Ngoài ra Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ (USAID) cũng cam kết hỗ trợ tài chính cho Quốc hội, bộ máy tư pháp và nhiều tổ chức khác của nước này. Đáp lại, Chính quyền Indonesia cũng có những động thái bày tỏ mong muốn hàn gắn quan hệ tốt đẹp với Mỹ vì lợi ích của Indonesia, nên chỉ 6 ngày sau vụ khủng bố 11/9/2001, Tổng thống Indonesia Megawati đã đến thăm Mỹ và gặp Tổng thống G. Bush tại Nhà Trắng. Bà là một trong những nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên thăm Mỹ sau sự kiện 11/9. Tại cuộc gặp này, Tổng thống Megawati và Tổng thống G. Bush đã ra tuyên bố chung chống khủng bố<sup>(7)</sup>.

Đối với ba nước Đông Dương, thời gian này Mỹ khá coi trọng quan hệ với Việt Nam, bởi Mỹ thấy rằng vị thế của Việt Nam ở khu vực và thế giới ngày càng được nâng cao. Do vậy, Mỹ thúc đẩy chiến lược ngoại giao thân thiện, nhằm xoá bỏ hình ảnh một nước Mỹ xấu xa đã từng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, xây dựng một hình ảnh mới về nước Mỹ. Để thực hiện chiến lược trên, Mỹ kết hợp các mối quan hệ song phương và đa phương nhằm tiếp cận nhiều hơn với Việt Nam; mở rộng giao lưu văn hoá, trao đổi thông tin và học thuật giữa hai nước, trong đó Mỹ đặc biệt quan tâm và đầu tư cho các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam. Với chiến lược trên, liên tục nhiều năm gần đây, Chính quyền Mỹ đều ra hạn áp dụng Điều luật bổ xung Jackson-Vanik cho Việt Nam, cùng với đó là các hoạt động trao đổi giữa các bộ, ngành, các tập đoàn kinh doanh giữa hai nước không ngừng tăng. Ngoài ra, Việt Nam và Mỹ cũng chia sẻ các quan điểm và các lợi ích về

chính trị ngoại giao trong các diễn đàn đa phương và khu vực. Những cuộc tiếp xúc cấp cao và sự chia sẻ trách nhiệm đã chứng tỏ sự thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Việt Nam. Đặc biệt, ngày 20/6/2005 Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải sang thăm Mỹ theo lời mời của Chính phủ nước này. Đây là chuyến thăm đầu tiên của một Thủ tướng Việt Nam trong vòng 30 năm qua và đặc biệt hơn là trong 10 năm kể từ khi hai nước bình thường hoá quan hệ. Tiếp nữa, Tổng thống Mỹ G. Bush cũng đã nhận lời mời đến thăm chính thức Việt Nam vào năm 2006, khi Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình dương được tổ chức tại Việt Nam. Trong chuyến thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải, các vấn đề về phát triển quan hệ hai nước đã được hai nhà lãnh đạo trao đổi với tinh thần tích cực và đã đạt được những tiến bộ đáng kể.

Tóm lại, sự kiện 11/9 có tác động to lớn, trực tiếp và sâu xa đối với nước Mỹ. Đồng thời nó cũng là một trong những nhân tố quan trọng dẫn đến sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với các nước trên thế giới nói chung. Đối với khu vực Đông Nam Á, điều chỉnh quan trọng nhất là Mỹ bằng mọi cách quay trở lại khu vực này càng nhanh

càng tốt, nhằm thực hiện mục đích của Mỹ và quan trọng hơn là kiểm chế và bao vây Trung Quốc. Đến nay, bước đầu Mỹ đã có thành công nhất định và theo giới nghiên cứu chính trị thì xu hướng chiến lược này Mỹ sẽ tiếp tục thực hiện ít nhất trong 10 đến 15 năm đầu thế kỷ mới. Sự điều chỉnh chiến lược trên có tác động nhất định tới môi trường an ninh khu vực trong đó có Việt Nam. Song có điều không thể phủ nhận là, ở một khía cạnh nhất định sự có mặt của Mỹ ở khu vực là một trong những nhân tố đảm bảo sự ổn định về an ninh và chính trị của khu vực Đông Nam Á ■

#### *Chú thích:*

1. Theo Tin Tham khảo chủ nhật, TTXVN, ngày 20/10/2002.
2. Theo Tin TKCN, TTXVN, ngày 20/10/2002 và Hoàng Anh Tuấn, An ninh Đông nam Á một năm sau vụ khủng bố 11/9/2001, Nghiên cứu Quốc tế số 48, tháng 10/2002.
3. Lê Khương Thùy, Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN trong và sau Chiến tranh lạnh, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.
4. Đông Á và sự thay đổi chiến lược của Mỹ, Tạp chí Tokyo Keizai 2/6/2001, dẫn theo Tin TKĐB, TTXVN, ngày 14/6/2002.
5. Tin TKĐB, TTXVN ngày 21/6/2003.
6. Tin TKĐB, TTXVN, ngày 27/8/2002 và ngày 21/4/2004.
7. Tin TKĐB, TTXVN, ngày 10/3/2002.